

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: *HH60/QĐ-UBND*

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nhà máy chế biến thủy sản” tại Lô C3, C4, C5, C6 và một phần Lô C7,
Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi
trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường
do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-
BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị
định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi
trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo tổng hợp ý
kiến các cơ quan, tổ chức số 2023/STNMT-CCBVM ngày 20 tháng 5 năm
2021;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy
chế biến thủy sản” tại Lô C3, C4, C5, C6 và một phần Lô C7, Khu công nghiệp*

Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 636/CV-PKT-HL ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Công ty TNHH Thủy sản Hải Long Nha Trang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 516./TTr-STNMT-CCBVMT ngày 21... tháng 11 năm 2021.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến thủy sản” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Thủy sản Hải Long Nha Trang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại lô C3, C4, C5, C6 và một phần Lô C7, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại UBND xã Suối Tân.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 173/QĐ-KKT ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong. / 

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Tân;
- Chủ dự án;
- Lưu: VP+TL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

(Kèm theo Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến thủy hải sản.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô C3, C4, C5, C6 và một phần Lô C7, KCN Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.3. Chủ dự án: Công ty TNHH Thủy sản Hải Long Nha Trang

1.4. Địa chỉ: Lô C3, C4, C5, C6 và một phần Lô C7, KCN Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.5. Công suất của dự án: Sản xuất sản phẩm cá ngừ đông lạnh 10.000 tấn sản phẩm/năm, các các loại đông lạnh 5.000 tấn sản phẩm/năm, cá ngừ hấp 4.500 tấn sản phẩm/năm.

1.6. Công nghệ sản xuất của dự án:

- Công nghệ chế biến cá đông lạnh: Nguyên liệu → Nhập kho, bảo quản → Tiếp nhận nguyên liệu từ kho bảo quản → Cưa/bào → Lấy xương/ Lấy máu bầm/ Ra da/ Chính hình → Rửa – Lên hàng → Cấp đông → Dò kim loại → Đóng gói → Lưu kho

- Công nghệ chế biến cá ngừ hấp: Nguyên liệu → Xả đông → Rửa → Phân kích cỡ, rửa → Xếp khay hấp → Hấp → Ra tủ hấp → Làm nguội → Gỡ xương/ Ra nilon/ Lấy xương nhỏ, máu bầm → Lên hàng/ Xếp khuôn → Cấp đông → Đóng gói → Bảo quản → Lưu kho

1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
1	Nhà văn phòng	382,5	1,8
2	Nhà xưởng	7.077,1	33,1
3	Nhà ăn	635,5	3,0

TT	Hạng mục	Diện tích (m²)	Tỉ lệ (%)
4	Nhà nghỉ công nhân	1.046,4	4,9
5	Kho vật tư, bao bì	248,6	1,2
6	Kho lạnh	1.400	6,5
7	Nhà xưởng cơ điện	236,2	1,1
8	Lò hơi	20,3	0,1
9	Khu tập kết CTR sinh hoạt	5	0,02
10	Kho phế liệu	10	0,05
11	Kho CTNH	8	0,04
12	Khu xử lý nước thải	500	2,3
Tổng diện tích xây dựng		11.569,6	54,1
Diện tích cây xanh, đường nội bộ		9.814,3	45,9
Tổng diện tích khu đất		21.383,9	100

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Quy mô, tính chất nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn vận hành khoảng 52,5 m³/ngày đêm và nước thải phát sinh từ nhà ăn khoảng 14 m³/ngày.đêm. Thành phần nước thải gồm Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Nitrat, Photphat, Coliform, Dầu mỡ và các tạp chất khác.

2.2.2. Quy mô, tính chất nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình chế biến thủy sản và từ hệ thống xử lý khí thải khoảng 623,4 m³/ngày đêm. Thành phần của nước thải sản xuất chủ yếu là TSS, BOD, COD, Tổng N, Tổng P, vi sinh vật, dầu mỡ...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải làm tăng nồng độ bụi và khí thải trong không khí, gây nguy cơ ô nhiễm cục bộ tại các khu vực trung chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, khu vực nhà để xe cán bộ công nhân viên.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện. Thành phần bao gồm: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi 2,5 tấn/h. Thành phần bao gồm: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Khí thải từ quá trình sản xuất chế biến thủy sản. Thành phần bao gồm: Bụi, SO₂, NO_x, NH₃, H₂S.

- Mùi và khí ô nhiễm phát sinh từ trạm xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và sức khỏe công nhân làm việc.

2.4. Quy mô, tính chất chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành chính thức khoảng 350 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm: Túi nilon, chai lọ, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường 18.101,25 tấn/năm. Thành phần bao gồm: phế phẩm thủy sản, phế liệu từ quá trình đóng gói, sản xuất, bùn thải từ HTXLNT...

- Tổng số tấm pin mặt trời lắp đặt tại dự án 3.670 tấm (theo hợp đồng kinh tế tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị và lắp đặt điện mặt trời mái nhà 999 KV tại hợp đồng số 260320/HĐKT-HL-RS giữa chủ dự án và Công ty Cổ phần Năng lượng Resa); căn cứ theo hợp đồng đối với những tấm pin hư hỏng sẽ 1 đổi 1 trong 10 năm; do đó, theo tính toán thì tấm pin năng lượng mặt trời thải bỏ sau 10 năm khoảng 37 tấm (tỷ lệ hư hỏng chiếm khoảng 0,01% tổng số tấm pin mặt trời).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.980 kg/năm. Thành phần bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì cứng thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Công ty phát sinh 02 nguồn nước thải chính đó là nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất. Các nguồn nước thải được thu gom và xử lý cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải (HTXL) của nhà máy có công suất thiết kế 700 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn đầu nối của Khu công nghiệp (KCN) trước khi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN Suối Dầu trên đường số 14.

- Nước thải sản xuất: Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh từ dự án được thu gom theo mạng lưới cống thoát nước thải vào các hố ga thu gom nước thải dẫn về HTXL nước thải công suất thiết kế 700 m³/ngày đêm để xử lý đạt quy chuẩn đầu nối của KCN trước khi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCN Suối Dầu trên đường số 14.

Quy trình công nghệ của HTXL nước thải công suất thiết kế 700 m³/ngày: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều chỉnh pH & tạo bông → Bể tuyển nổi DAF → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể kỵ khí UASB → Bể sau kỵ khí → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Ngăn đát bơm trung chuyển → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Suối Dầu.

3.2. Xử lý khí thải

Hệ thống thu gom và xử lý khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn hơi/giờ, khí thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác chuyên dụng 120, 360 lít, sau đó tập trung vào khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt diện tích 5m² nằm gần khu xử lý nước thải phía Nam nhà

máy, sau đó sẽ được phân loại và hợp đồng với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu thu gom, xử lý theo quy định.

- Đối với phế phẩm thủy sản:

+ Đối với phế phẩm thủy sản phát sinh từ hoạt động sản xuất như xương, nội tạng,.. được thu gom vào các bao bì và thùng đậy kín; và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu mua và tiêu hủy phế phẩm thủy sản.

+ Đối với tấm pin năng lượng mặt trời: sẽ được Nhà cung cấp thu gom và xử lý theo đúng quy định; trong trường hợp nhà sản xuất không thu hồi thì Chủ dự án sẽ liên hệ với các Công ty xử lý chất thải nguy hại để tiến hành thu gom, vận chuyển tấm pin đi xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

Các loại CTNH phát sinh sẽ được Chủ đầu tư thực hiện thu gom, lưu trữ tại kho CTNH đã có của nhà máy với diện tích 8 m². Kho chứa được dán biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Sau đó Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Dự án thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 17 Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án trình bày tại mục 3 Phụ lục này.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án:

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 5.1 Chương 5 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án:

5.2.1. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

Đối với hệ thống xử lý nước thải:

➤ *Giai đoạn 1: Điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải*

- Vị trí giám sát: Mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý
- Tần suất quan trắc: 15 ngày/lần trong 75 ngày đầu của thời gian vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải.
- Các chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ ĐTV
- Quy định quan trắc và phân tích mẫu: Các mẫu được lấy, bảo quản và phân tích theo quy định QCVN và TCVN.
- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột B.

➤ *Giai đoạn 2: Giai đoạn vận hành ổn định*

- Vị trí giám sát: Mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải.
- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần trong 07 ngày liên tiếp của thời gian vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải (tối thiểu 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu nước thải đầu ra).
- Các chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ ĐTV
- Quy định quan trắc và phân tích mẫu: Các mẫu được lấy, bảo quản và phân tích theo quy định QCVN và TCVN.
- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột B.

Đối với hệ thống xử lý khí thải:

➤ *Giai đoạn 1: Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất*

Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của từng công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

Tần suất và thông số quan trắc được quy định như sau:

- Tần suất quan trắc bụi, khí thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu ra);
- Vị trí giám sát: Ống khói sau HTXL khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn/h
- Thông số quan trắc là thông số ô nhiễm chính: Lưu lượng, Bụi, CO, SO₂, NO_x,

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

➤ **Giai đoạn 2: Giai đoạn vận hành ổn định**

Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của HTXL khí thải mới lắp đặt ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh.

- Tần suất và thông số quan trắc ít nhất 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi thải ra ngoài môi trường)

- Vị trí quan trắc: Ống khói sau HTXL khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn/h

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Bụi, CO, SO₂, NO_x

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

5.2.3. Giám sát giai đoạn vận hành thương mại

1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí tại hố ga thu gom nước thải trước xử lý

+ 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Suối

Dầu

- Các chỉ tiêu đánh giá gồm: Lưu lượng, pH, COD, tổng Nitơ, tổng Phospho, Coliform;

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần trong suốt quá trình hoạt động

- Tiêu chuẩn so sánh: theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 26/2016/HDDVNT-KCNSD ngày 04/01/2016 giữa Công ty TNHH Thủy sản Hải Long Nha Trang và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Suối Dầu.

2. Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: Ống khói sau HTXL khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn/h

- Các chỉ tiêu đánh giá gồm: Lưu lượng, Bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.



6. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định quản lý chất thải và phế liệu được quy định tại Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 09/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019; và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho UBND huyện Cam Lâm, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.